

Bản án số: 612/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh

Ông Nguyễn Đức Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT; địa chỉ trụ sở: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1140/2018/UQ-TTT ngày 08/8/2018 và số 4213/2017/GUQ-PL ngày 28/12/2017), (Xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T M, sinh năm 1990; cư trú tại: Đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đoàn Văn H trình bày:

Ngày 21/8/2015, bà Nguyễn Thị T M ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng TMCP SGTT đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị T M với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.072.307 đồng. Do bà Nguyễn Thị T M không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T M đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 64.103.000 đồng, sau đó bà Nguyễn Thị T M không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngân hàng TMCP SGTT đã nhiều lần nhắc nhở bà Nguyễn Thị T M trả nợ còn lại nhưng bà Nguyễn Thị T M vẫn không trả. Do bà Nguyễn Thị T M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 05/8/2017, Ngân hàng TMCP SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo đối chiếu bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T M còn nợ Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền 76.913.868 đồng (trong đó nợ gốc là 52.638.474 đồng, nợ lãi là 24.275.394 đồng).

Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện bà Nguyễn Thị T M và yêu cầu bà phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT các khoản nợ tính đến ngày 08/10/2018 như sau:

- Nợ gốc: 52.638.474 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 24.275.394 đồng;
- Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 76.913.868 đồng.

Kể từ ngày 09/10/2018, bà Nguyễn Thị T M vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Nguyễn Thị T M thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Nguyễn Thị T M tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Nguyễn Thị T M không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T M cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP SGTT đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Nguyễn Thị T M theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị T M có vay tiền qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT có giấy đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị T M và Ngân hàng TMCP SGTT có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bà Nguyễn Thị T M không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện. Bà Nguyễn Thị T M cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập bà Nguyễn Thị T M tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Thị T M vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho bà Nguyễn Thị T M, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T M vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ

Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T M.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 21/8/2015 được ký giữa bà Nguyễn Thị T M với Ngân hàng TMCP SGTT cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng TMCP SGTT đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị T M với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.072.307 đồng. Do bà Nguyễn Thị T M không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T M đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 64.103.000 đồng, sau đó bà Nguyễn Thị T M không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngân hàng TMCP SGTT đã nhiều lần nhắc nhở bà Nguyễn Thị T M trả nợ còn lại nhưng bà Nguyễn Thị T M vẫn không trả. Do bà Nguyễn Thị T M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 05/8/2017, Ngân hàng TMCP SGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, bà Nguyễn Thị T M đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/10/2018 như trên và tiền nợ lãi phát sinh sau đó trên nợ gốc còn nợ cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín*

dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2015 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Nguyễn Thị T M vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT. Cần buộc bà Nguyễn Thị T M phải trả cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/10/2018 là 76.913.868 đồng (trong đó nợ gốc là 52.638.474 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.275.394 đồng); kể từ ngày 09/10/2018, bà Nguyễn Thị T M vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Nguyễn Thị T M thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng); thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.845.693 đồng đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị T M phải trả là 76.913.868 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.781.382 đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT theo biên lai thu số AA/2017/0029959 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 305, 471, Điều 474, 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT.

- Buộc bà Nguyễn Thị T M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/10/2018 là 76.913.868 (Bảy mươi sáu triệu chín trăm mười ba nghìn tám trăm sáu mươi tám) đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), trong đó nợ gốc là 52.638.474 (Năm mươi hai triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 24.275.394 (Hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 09/10/2018, bà Nguyễn Thị T M vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày bà Nguyễn Thị T M thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà bà Nguyễn Thị T M không thanh toán hết nợ trên cho Ngân hàng TMCP SGTT thì Ngân hàng TMCP SGTT được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.845.693 (Ba triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi ba) đồng đối với khoản nợ mà bà Nguyễn Thị T M phải trả là 76.913.868 (Bảy mươi sáu triệu chín trăm mười ba nghìn tám trăm sáu mươi tám) đồng.

Ngân hàng TMCP SGTT được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.781.382 (Một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm tám mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0029959 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT, bị đơn bà Nguyễn Thị T M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS (Thỏa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

